

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**
2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án **kinh doanh thương mại** thụ lý số: 07/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2021/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 266/2021/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2021, Thông báo về việc dời lại phiên tòa ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, TP.Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C, Phường B, Quận B, TP.HCM.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn Đ- Chủ Hộ kinh doanh B**

Địa chỉ: D11/329A, ấp B, xã T, huyện B, TP.HCM.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan:

3.1. Ông **Trương Văn Đức**, sinh năm 1972

3.2. Bà **Bùi Thị Bảo Yến**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: D11/329A, ấp B, xã T, huyện B, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V, do Bà Nguyễn Thị Kim O đại diện trình bày như sau:

Ông Trương Văn Đ – Chủ Hộ kinh doanh B có vay vốn tại V S theo Hợp đồng cho vay số SME/SGN/18/0112/HDTD ngày 11/10/2018, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/SGN/18/0112/HDHMTTC ngày 11/10/2018, Hợp đồng cho vay số SME/SGN/18/0155/HDTD ngày 27/12/2018, Hợp đồng cho vay số SME/SGN/19/0063/HDTD ngày 30/05/2019, Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/06/2019 với nội dung tóm tắt như sau:

KHÊ ƯỚC NHẬN NỢ	SỐ TIỀN VAY (ĐỒNG)	THỜI HẠN VAY	NGÀY GIẢI NGÂN	NGÀY ĐẾN HẠN	MỤC ĐÍCH VAY	LÃI SUẤT VAY
Lần: 01/Số: SME/SGN/18/0112/HDTD-01 ngày 12/10/2018	100.000.000 đồng	24 tháng	12/10/2018	12/10/2020	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 24 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 12/04/2019.
Lần: 02/Số: SME/SGN/18/0112/HDTD-02 ngày 25/10/2018	100.000.000 đồng	24 tháng	25/10/2018	25/10/2020	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 24 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 12/04/2019.
Lần: 01/Số: SME/SGN/18/0155/HDTD-01 ngày 28/12/2018	441.350.000 đồng	60 tháng	28/12/2018	10/12/2023	Mua sắm tài sản cố định	Lãi suất cho vay 7.8 %/năm cố định 01 năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/12/2019.
Lần: 02/Số: SME/SGN/18/0155/HDTD-02 ngày 28/12/2018	237.650.000 đồng	60 tháng	28/12/2018	10/12/2023	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 25.7 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/06/2019.
Lần: 01/Số: SME/SGN/	185.000.000 đồng	24	04/06/2019	30/05/2021	Bổ sung vốn lưu	Lãi suất cho vay 21 %/năm cố định

19/0063/H DTD-01 ngày 04/06/2019					đồng	03 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/12/2019.
---	--	--	--	--	------	---

Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/06/2019, ông Trương Văn Đ – Chủ Hộ kinh doanh B còn có dư nợ thẻ tín dụng quá hạn tại V với số dư nợ tạm tính đến ngày 15/3/2022 là: 110.220.750 đồng;

Ngoài ra, ông Trương Văn Đ có ký với V Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/SGN/18/0112/HDHMTTC ngày 11/10/2018 với hạn mức thấu chi là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 27%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, V và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp 01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023, biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số SME/SGN/18/0155/HDTC ngày 27/12/2018 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1312404878 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Văn Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL-01 ngày 11/10/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL.01, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0155/HDBL.01 ngày 27/12/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/19/0063/HDBL.01 ngày 60/05/2019, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL/VPBANK-01 ngày 03/06/2019.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Bùi Thị Bảo Y theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL-02 ngày 11/10/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL.02, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0155/HDBL.02 ngày 27/12/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/19/0063/HDBL.02 ngày 60/05/2019.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông Trương Văn Đ để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay ông Trương Văn Đ vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn.

Tạm tính đến ngày 15/03/2022, Ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh đã thanh toán cho V cụ thể:

STT	KUNN	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Tổng cộng
-----	------	------------	------------	-----------

1	LD1828500656 (SME/SGN/18/0112/HDTD-01)	48,100,374	21,101,559	69,201,933
2	LD1829801523 (SME/SGN/18/0112/HDTD-02)	48,601,206	19,940,934	68,542,140
3	LD1915514463 (SME/SGN/19/0063/HDTD-1)	46,500,000	15,219,276	61,719,276
4	LD1836201890 (SME/SGN/18/0155/HDTD-01)	80,960,000	27,408,985	108,368,985
5	LD1836201959 (SME/SGN/18/0155/HDTD-02)	26,955,003	49,932,576	76,887,579
Tổng cộng		251,116,583	133,603,330	384,719,913

Tạm tính đến hết ngày 15/03/2022, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B còn nợ các khoản sau tại V:

Nợ gốc quá hạn : 812,883,417 đồng

Nợ lãi quá hạn : 578,088,695 đồng

Nợ thấu chi : 897,354,026 đồng

Nợ thẻ tín dụng : 110,220,750 đồng

Tổng cộng : 2,398,546,888 đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Phản yêu cầu của Người khởi kiện:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN

Căn cứ về việc tính lãi phạt, Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2018.

Kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án xem xét và phán quyết buộc:

1. ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/03/2022 là:

Nợ gốc quá hạn : 812,883,417 đồng

Nợ lãi quá hạn : 578,088,695 đồng

Nợ thấu chi : 897,354,026 đồng

Nợ thẻ tín dụng : 110,220,750 đồng

Tổng cộng : 2,398,546,888 đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 16/03/2022, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

2. Trường hợp ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho V, chi tiết tài sản thế chấp như sau:

01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023, biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018;

3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V thì ông Trương Văn Đ và bà Bùi Thị Bảo Y phải tiếp tục thanh toán cho V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Kim O có ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

Bị đơn: ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan: Ông Trương Văn Đ và Bà Bùi Thị Bảo Y vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn tại địa bàn huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Trương Văn Đ, Bà Bùi Thị Bảo Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Theo Hợp đồng cho vay số SME/SGN/18/0112/HDTD ngày 11/10/2018, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/SGN/18/0112/HDHMTTC ngày 11/10/2018, Hợp đồng cho vay số SME/SGN/18/0155/HDTD ngày 27/12/2018, Hợp đồng cho vay số SME/SGN/19/0063/HDTD ngày 30/05/2019, thì

ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B có vay vốn tại V Sài Gòn có nội dung như sau:

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ	SỐ TIỀN VAY (ĐỒNG)	THỜI HẠN VAY	NGÀY GIẢI NGÂN	NGÀY ĐẾN HẠN	MỤC ĐÍCH VAY	LÃI SUẤT VAY
Lần: 01/Số: SME/SGN/18/0112/H DTD-01 ngày 12/10/2018	100.000.000 đồng	24 tháng	12/10/2018	12/10/2020	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 24 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 12/04/2019.
Lần: 02/Số: SME/SGN/18/0112/H DTD-02 ngày 25/10/2018	100.000.000 đồng	24 tháng	25/10/2018	25/10/2020	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 24 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 12/04/2019.
Lần: 01/Số: SME/SGN/18/0155/H DTD-01 ngày 28/12/2018	441.350.000 đồng	60 tháng	28/12/2018	10/12/2023	Mua sắm tài sản cố định	Lãi suất cho vay 7.8 %/năm cố định 01 năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/12/2019.
Lần: 02/Số: SME/SGN/18/0155/H DTD-02 ngày 28/12/2018	237.650.000 đồng	60 tháng	28/12/2018	10/12/2023	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 25.7 %/năm cố định 06 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/06/2019.
Lần: 01/Số: SME/SGN/19/0063/H DTD-01 ngày 04/06/2019	185.000.000 đồng	24	04/06/2019	30/05/2021	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất cho vay 21 %/năm cố định 03 tháng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/01 lần ngày điều chỉnh đầu tiên 28/12/2019.

Theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/06/2019, thì ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B có mở thẻ tín dụng tại V.

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số SME/SGN/18/0112/HDHMTTC ngày 11/10/2018, thì ông Trương Văn Đ vay hạn mức thấu chi của V, với hạn mức thấu chi là 400.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 27%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay trên như sau:

Thế chấp 01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023, biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số SME/SGN/18/0155/HDTC ngày 27/12/2018 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1312404878 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Văn Đ theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL-01 ngày 11/10/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL.01, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0155/HDBL.01 ngày 27/12/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/19/0063/HDBL.01 ngày 60/05/2019, Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL/VPBANK-01 ngày 03/06/2019.

Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Bùi Thị Bảo Y theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL-02 ngày 11/10/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0112/HDBL.02, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/18/0155/HDBL.02 ngày 27/12/2018, Hợp đồng bảo lãnh số SME/SGN/19/0063/HDBL.02 ngày 60/05/2019.

[4] Ngân hàng TMCP V xác định:

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với ông Trương Văn Đ để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Tuy nhiên đến nay ông Trương Văn Đ vẫn tiếp tục không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ và cố tình kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/03/2022 là:

Nợ gốc quá hạn	:	812,883,417 đồng
Nợ lãi quá hạn	:	578,088,695 đồng
Nợ thấu chi	:	897,354,026 đồng
Nợ thẻ tín dụng	:	110,220,750 đồng
Tổng cộng	:	2,398,546,888 đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 16/03/2022, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

2. Trường hợp ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho V, chi tiết tài sản thế chấp như sau:

01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023 , biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018;

3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V thì ông Trương Văn Đ và bà Bùi Thị Bảo Y phải tiếp tục thanh toán cho V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[5] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/03/2022 là:

Nợ gốc quá hạn	:	812,883,417 đồng
Nợ lãi quá hạn	:	578,088,695 đồng
Nợ thấu chi	:	897,354,026 đồng
Nợ thẻ tín dụng	:	110,220,750 đồng
Tổng cộng	:	2,398,546,888 đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 16/03/2022, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

2. Trường hợp ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho V, chi tiết tài sản thế chấp như sau:

01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023, biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018;

3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V thì ông Trương Văn Đ và bà Bùi Thị Bảo Y phải tiếp tục thanh toán cho V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V được Tòa án chấp nhận nên ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải chịu 79.970.938 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 33.909.354 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080911 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

1.1. Buộc Ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 15/03/2022 là:

Nợ gốc quá hạn : 812,883,417 đồng

Nợ lãi quá hạn : 578,088,695 đồng

Nợ thấu chi : 897,354,026 đồng

Nợ thẻ tín dụng : 110,220,750 đồng

Tổng cộng : 2,398,546,888 đồng (Hai tỷ ba trăm chín mươi tám triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 16/03/2022, ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

1.2. Trường hợp ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B không thanh toán theo yêu cầu của khoản 1 nêu trên, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho V, chi tiết tài sản thế chấp như sau:

01 Xe Ô Tô bán tải, nhãn hiệu: MAZDA, số loại: BT-50, số khung: MM7UR4DD7KW896622, số máy: P4AT2700023, biển số: 51D-290.59 thuộc Quyền sở hữu của Hộ kinh doanh B theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426962 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2018;

1.3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V thì ông Trương Văn Đ và bà Bùi Thị Bảo Y phải tiếp tục thanh toán cho V theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn Đ – Chủ hộ kinh doanh B phải chịu 79.970.938 đồng (bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 33.909.354 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm lẻ chín nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0080911 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Ngọc Hải